

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP MINH PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP MINH PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH SX TM TH MINH PHÚC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101508799

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 17A, khu vực 4, Phường Đồng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0935 352 811

Fax:

Email: [ctyminhphucqn@gmail.com](mailto:ctyminhphucqn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                              | 5630                                                         |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Thi công trang trí nội, ngoại thất; Thi công sàn gỗ công nghiệp, dán tường; Thi công và lắp đặt cửa nhựa PVC có lõi thép gia cường; Lắp đặt cửa nhôm, khung nhôm kính, tấm trần kim loại | 4330                                                         |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                               | 4311                                                         |
| 4.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                  | 7110                                                         |
| 5.  | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                          | 2310                                                         |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                | 4100                                                         |
| 7.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                         | 2592                                                         |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                       | 4329                                                         |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                | 4321                                                         |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                      | 4322                                                         |
| 11. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                            | 5510                                                         |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                    | 6820                                                         |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                          | 2599                                                         |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                    | 4312                                                         |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                      | 4659                                                         |
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4752                                                         |
| 17. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất cửa nhựa PVC có lõi thép gia cường, cửa nhôm, khung nhôm kính, tấm trần kim loại                                                                                          | 3290(Chính)                                                  |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                              | 4663                                                         |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                       | 4933                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                           | 4290                                                         |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                  | 4390                                                         |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                 | 5629                                                         |
| 23. | Hoạt động phải bảo đảm điều kiện, giấy phép kinh doanh theo quy định                                                                                                                                                                 | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ CẨM TÚ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 28/11/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 215091768

Ngày cấp: 30/12/2015 Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 36, khu vực 7, Phường Đống Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 17A, khu vực 4, Phường Đống Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ CẨM TÚ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/11/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 215091768

Ngày cấp: 30/12/2015 Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 36, khu vực 7, Phường Đống Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 17A, khu vực 4, Phường Đống Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định